

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/FES(VN)/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH FES (Việt Nam)

Địa chỉ: Số 11, Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (0274).3767188 – 3767168 Fax: (0274).3767128.

Website: www.maccoffee.vn.

Mã số doanh nghiệp: 3700605006

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

Ngày Cấp/Nơi cấp: Không áp dụng.

Cơ sở đã có Giấy chứng nhận ISO 22000:2018 (có giá trị đến ngày 17/8/2026) và Giấy chứng nhận HACCP (có giá trị đến ngày 17/8/2026), được nộp kèm theo Bản tự công bố sản phẩm này.



II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: MacCoffee Café PHỐ Nhà Làm.

2. Thành phần: Bột kem sữa (27 %) [dầu thực vật, siro glucose, đường, chất khô từ sữa, chất ổn định (340(ii), 452(i)), chất điều chỉnh độ acid (331(iii)), chất nhũ hóa (471), chất chống đông vón (551), muối ăn, hương liệu tổng hợp], đường dextrose, đường, cà phê hòa tan (10,5 %), bột kem, bột cà phê rang xay (1,5 %), chất tạo màu tự nhiên Caramen nhóm I (150a), muối ăn, chất làm dày (466), chất điều chỉnh độ acid (500ii), hương liệu tổng hợp, chất tạo ngọt tổng hợp Acesulfam kali (950).

Thông tin dị ứng: sản phẩm có chứa gluten, sữa (contains gluten, milk).

Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Hạn sử dụng (HSD): Xem trên bao bì.
- Ngày sản xuất (NSX): 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trong màng ghép phức hợp thành từng gói 28 g với các quy cách như sau:

- Gói có khối lượng tịnh: 28 g.

- Hộp giấy có khối lượng tịnh: 280 g (10 gói x 28 g).
- Túi có khối lượng tịnh: 840 g (30 gói x 28 g).
- Thùng giấy có khối lượng tịnh: 16,8 kg (60 hộp x 280 g).
- Thùng giấy có khối lượng tịnh: 16,8 kg (20 túi x 840 g).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất): không có.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

- QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.8, 2.5).
- QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 1.10; 2.22; 3.28; 4.7).

2. Thông tư các Bộ ngành:

- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

3. Các tiêu chuẩn khác: theo Tiêu chuẩn số 03/FES(VN)/2025 ngày 08/01/2025 (Tiêu chuẩn sản phẩm đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 08 tháng 01 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Chinthaka Prabath Nanayakkara

Giám đốc khối sản xuất và vận hành



CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)	TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM	Số: 03/FES(VN)/2025
Thực phẩm thường	MACCOFFEE CAFÉ PHỐ NHÀ LÀM	Ngày: 08/01/2025

1. Phạm vi:

Áp dụng cho sản phẩm MacCoffee Café PHỐ Nhà Làm.

2. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

2.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số Coliforms	cfu/g	10
3	Escherichia coli	cfu/g	Không được có
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10
5	Bacillus cereus	cfu/g	10
6	Cl. perfringens	cfu/g	10
7	Salmonella spp.	cfu/25g	Không được có
8	TS bào tử nấm men - mốc	cfu/g	10^2



2.2. Các chỉ tiêu kim loại nặng: Phù hợp với QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 1.10; 2.22; 3.28; 4.7)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Asen (As)	mg/kg	1
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1
3	Chì (Pb)	mg/kg	2
4	Thủy Ngân (Hg)	mg/kg	0,05

2.3. Các chỉ tiêu độc tố vi nấm: Phù hợp với QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.8, 2.5)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5
2	Ochratoxin A	µg/kg	10

3. Yêu cầu về dinh dưỡng:

Phù hợp với Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố có trong 28 g	Mức tối thiểu có trong 28 g (*)
1	Năng lượng	kcal	122	85,40
2	Chất đạm	g	1,18	0,826
3	Carbohydrat	g	19,2	13,440
4	Đường tổng số	g	17,8	12,460
5	Chất béo	g	4,20	2,940
6	Natri	mg	95,5	66,850



Ghi chú (*): Giá trị thực không thấp hơn 70% giá trị công bố trên nhãn

120. mm
100. mm
10

10

160. mm

10

140. mm

10

25.8mm

6.6

33.1 mm

1.5 mm

MacCoffee

CaféPHỐ[®]

NHÀ LÀM

3 in 1

THOM - NGON - SẠNH

CHUẨN VỊ NHÀ

Khối lượng tịnh: 28 g

PHM-C3NLH0-VN242

8 936024 244248

ISO 22000 - HACCP

Date 40 x 7

TKT1

Hướng dẫn sử dụng:
Uống nóng: Hòa 1 gói CaféPHỐ Nhà Làm với 70 ml nước nóng, khuấy đều, thưởng thức.
Uống lạnh: Hòa 1 gói CaféPHỐ Nhà Làm với 50 ml nước nóng, khuấy đều, thêm đá và thưởng thức.

Thành phần: Bột kem sữa (27%) [đầu thực vật, siro glucose, đường, chất khô từ sữa, chất ổn định (340(ii), 452(i)), chất điều chỉnh độ acid (331(iii)), chất nhũ hóa (471), chất chống đông vón (551), muối ăn, hương liệu tổng hợp], đường dextrose, đường, cà phê hòa tan (10.5%), bột kem, bột cà phê rang xay (1.5%), chất tạo màu tự nhiên Caramen nhóm I (150a), muối ăn, chất làm dày (466), chất điều chỉnh độ acid (500(ii)), hương liệu tổng hợp, chất tạo ngọt tổng hợp Acesulfam kali (950).

Thông tin dị ứng: sản phẩm có chứa gluten, sữa (contains gluten, milk).
Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG
Tổng số khẩu phần ăn: 28 g
Kích cỡ một khẩu phần ăn: 28 g

Thành phần dinh dưỡng	Trên một khẩu phần ăn	% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng	122 kcal	6%
Chất đạm	1,18 g	2%
Carbohydrat	19,2 g	6%
Đường tổng số	17,8 g	8%
Chất béo	4,20 g	5%
Natri	95,5 mg	5%

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (Nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của một thành phần dinh dưỡng có trong một khẩu phần ăn.

HSD: Xem trên bao bì.
NSX: 24 tháng trước HSD.
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.
Sản xuất tại Việt Nam.
Sản xuất và chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi:
Công ty TNHH FES (Việt Nam)
Địa chỉ: Số 11, Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Điện thoại: (+84) 274 376 7188
Fax: (+84) 274 376 7128

Theo nhượng quyền của **FUTURE ENTERPRISES PTE. LTD.**
(A member of Food Empire Holdings Limited)
www.maccoffee.vn

Emark 10x5mm





Túi có khối lượng tịnh: 840 g (30 gói x 28 g): Mặt trước



300 mm
280 mm

MacCoffee®
CaféPHỐ®
NHÀ LÀM

3 in 1

Kết tinh từ những hạt cà phê rang xay tuyệt hảo cùng nguồn nguyên liệu chất lượng cao và tốt nhất, CaféPHỐ Nhà Làm mang đến cho bạn hơn cả một ly cà phê sữa thơm ngon, sánh đậm, chuẩn vị nhà - đó là những cảm xúc yêu thương, hương vị ấm áp bên gia đình mà có thể trong nhịp sống hiện đại và hối hả ngày nay, bạn đã tạm lỡ mất...

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:



Uống nóng: Hòa 1 gói CaféPHỐ Nhà Làm với 70 ml nước nóng, khuấy đều, thưởng thức.



Uống lạnh: Hòa 1 gói CaféPHỐ Nhà Làm với 50 ml nước nóng, khuấy đều, thêm đá và thưởng thức.



Thành phần: Bột kem sữa (27 %) [đầu thực vật, siro glucose, đường, chất khô từ sữa, chất ổn định (340(ii), 452(i)), chất điều chỉnh độ acid (331(iii)), chất nhũ hóa (471), chất chống đông vón (551), muối ăn, hương liệu tổng hợp], đường dextrose, đường, cà phê hòa tan (10.5 %), bột kem, bột cà phê rang xay (1.5 %), chất tạo màu tự nhiên Caramen nhóm I (150a), muối ăn, chất làm dày (466), chất điều chỉnh độ acid (500(ii)), hương liệu tổng hợp, chất tạo ngọt tổng hợp Acesulfam kali (950).

Thông tin dị ứng: Sản phẩm có chứa gluten, sữa (contains gluten, milk).

Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát và tránh ánh sáng trực tiếp.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Tổng số khẩu phần ăn: 30

Kích cỡ một khẩu phần ăn: 28 g

Thành phần dinh dưỡng	Trên một khẩu phần ăn	% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng	122 kcal	6%
Chất đạm	1,18 g	2%
Carbohydrat	19,2 g	6%
Đường tổng số	17,8 g	
Chất béo	4,20 g	8%
Natri	95,5 mg	5%

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (Nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong một khẩu phần ăn.

HSD:

Quality Product of
Food Empire



P2MC-C3NLG0-VN242
HSD: Xem trên bao bì.
NSX: 24 tháng trước HSD.
Sản xuất tại Việt Nam

Sản xuất và chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi:

Công ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11, Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore,

P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (+84) 274 3767188 Fax: (+84) 274 3767128

Theo nhượng quyền của FUTURE ENTERPRISES PTE. LTD.
(A member of Food Empire Holdings Limited).

www.maccoffee.vn

f /MACCafePho

Túi có khối lượng tịnh: 840 g (30 gói x 28 g): Mặt sau





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa

Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NA9J2411060163

Mã số mẫu : 743-2024-00165552

Mã số Eol :

005-32410-355365

Tên mẫu :

MacCoffee Café PHỐ Nhà Làm

Tình trạng mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

06/11/2024

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 12/11/2024

Thời gian thử nghiệm :

06/11/2024 - 12/11/2024

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện
4	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	4.5x10 ¹
7	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD384 VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
9	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
10	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
11	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
12	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
13	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	Không phát hiện (LOD=0.5)
14	VD640 VD (a) Aflatoxin M1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5628 (Ref. ISO 14501:2007)	Không phát hiện (LOD=0.01)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 21/11/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 21/11/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đầu là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sacký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.





AR-24-VD-168912-01-VI / EUVNHC-00301960- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa

Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NA9J2411060163

Mã số mẫu : 743-2024-00165551

Mã số Eol :

005-32410-355358

Tên mẫu :

MacCoffee Café PHỐ Nhà Làm

Tình trạng mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

06/11/2024

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 12/11/2024

Thời gian thử nghiệm :

07/11/2024 - 12/11/2024

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD129 VD (a) Carbohydrat tổng	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	74.2
2	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	5.65
3	VD165 VD (a) Béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	15.0
4	VD263 VD (a) Đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	4.20
5	VD304 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3482 (Ref. TCVN 4594:1988)	63.74
6	VD543 VD Năng lượng tổng (tính theo Carbohydrat tổng, chất đạm, chất béo)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	449
7	VD0BN VD (a) Acid béo bão hòa	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)	6.85
8	VD210 VD Độ ẩm	%	Ref. TCVN 9722:2013	3.61
9	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	3.02
10	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	341
11	VDERJ VD Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003; AOAC 991.43	68.5
12	VD9T0 VD Năng lượng (tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	437



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



 Nguyễn Anh Vũ
 Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

 Lý Hoàng Hải
 Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 21/11/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 21/11/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sacký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VIAS 238.





Mã số mẫu / Sample code Nr.: 743-2024-00165551

Mã số kết quả / Analytical Report Nr.: AR-24-VD-168912-01 / EUVNHC-00301960

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Tổng số phần ăn:			
Kích cỡ một phần ăn: 28 g			
Thành phần dinh dưỡng	Trên một phần ăn		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	122	kcal	6%
Chất đạm (Protein)	1.18	g	2%
Carbohydrat (Carbohydrate)	19.2	g	6%
Đường tổng số (Total Sugars)	17.8	g	
Chất béo (Fat)	4.20	g	8%
Natri (Sodium)	95.5	mg	5%
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong một phần ăn.			

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is reference only. The customer should update it and comply with regulation currently.